

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:56/2023/HNGĐ-ST
Ngày:16/5/2023
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hoà

2. Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu V (Phan Thị V) sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Hà Văn T trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2000 ông và bà Phan Thị Thu V có xác lập quan hệ hôn nhân và sau đám cưới mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Trong giấy kết hôn do ghi sai tên là Phan Thị V, nhưng hiện nay không còn giấy kết hôn do UBND xã cho rằng sai và thu hồi lại, ông chỉ còn lại bản chụp photo.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 02 năm nay phát sinh mâu thuẫn về kinh tế do nuôi tôm thất bại, thiếu nợ người khác nên vợ chồng hay cãi vã nhau, vợ chồng ly thân gần 01 năm nay, khi ly thân thì vợ chồng có thỏa

thuận chia tài sản chung và nợ chung đã xong. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thu V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Kiều O, sinh ngày 22/7/2002 đã thành niên không yêu cầu giải quyết, Hà Minh Nh sinh ngày 08/01/2007 hiện tại đang sống với vợ ông, ông để con cho vợ nuôi, ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Phan Thị Thu V trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, vợ chồng sau khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, lúc đó trong giấy kết hôn ghi tên Phan Thị V vì không kiểm tra nên không biết.

Về mâu thuẫn thì thời gian vợ chồng chung sống có mâu thuẫn trong lời nói, cách cư xử hàng ngày nhưng mâu thuẫn không lớn, nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hà Kiều O, sinh ngày 22/7/2002 đã thành niên, Hà Minh Nh sinh ngày 08/01/2007 hiện tại đang sống với bà. Bà yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Con chung tên Hà Minh Nh sinh ngày 08/01/2007 trình bày: Hiện tại đang sống chung với mẹ nên có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ, trường hợp cha mẹ ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho ông T ly hôn bà V. Về con chung: Hà Kiều O, sinh ngày 22/7/2002 đã thành niên, Hà Minh Nh sinh ngày 08/01/2007 hiện tại đang sống chung với bà V và có nguyện vọng sống chung với bà V khi cha mẹ ly hôn, nên cần giao con cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông T và bà V không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa ông T và bà V là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Xét lời khai của ông T và bà V khi về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tuy nhiên ông T và bà V đều không cung cấp được bản chính hay trích lục bản sao giấy kết hôn mà ông T cung cấp cho Tòa án được bản chụp phô tô, tên trên giấy kết hôn là Phan Thị V, tên mẹ trên giấy khai sinh của người con Hà Kiều O sinh ngày 22/7/2002 cũng là tên Phan Thị V, nhưng về số chứng minh nhân dân tên Phan Thị V và Phan Thị Thu V là cùng một dãy số với nhau vì vậy hôn nhân của ông T và bà V được xác định là có đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của ông T và bà V hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn bà V, theo lời khai của ông T tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, thời gian khoảng 02 năm gần đây thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do cuộc sống khó khăn, nuôi tôm thất bại, thiếu nợ người khác, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm với nhau nữa, mâu thuẫn ngày càng lớn nên sống chung không còn hạnh phúc, ông T cương quyết xin được ly hôn; về phía bà V cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn trong lời nói, cách cư xử hàng ngày nhưng mâu thuẫn không lớn, bà vẫn còn tình cảm với ông T nên bà V không chấp nhận ly hôn.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và xuất phát từ tình cảm của hai phía, ông T và bà V quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung nên không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn về kinh tế ngày càng lớn, qua các lần hoà giải ông T đều yêu cầu ly hôn, mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, ông T không còn tình cảm với bà V, nên mâu thuẫn giữa ông T và bà V là trầm trọng. Mặc khác qua xác minh của Tòa án tại địa phương nơi ông T, bà V sinh sống thì xác định được trước đó ông T và bà V đã thoả thuận chia tài sản có sự chứng kiến của hai bên gia đình và chính quyền địa phương, ông T cũng xác nhận từ đó ông T và bà V ly thân cho đến nay, cho nên Tòa cho ông T và bà V đoàn tụ thì đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của bà V là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hà Kiều O sinh ngày 22/7/2002 đã thành niên, Hà Minh Nh sinh ngày 08/01/2007 hiện tại đang sống chung với bà V và có nguyện vọng sống chung với bà V khi cha mẹ ly hôn.

Xét thấy con chung của ông T và bà V từ khi vợ chồng ly thân, bà V nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa bà V và con gắn bó hơn, mặc khác con vẫn khỏe mạnh bình thường, Hà Minh Nh có nguyện

vọng sống chung với bà V vì vậy cần giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Ông T và bà V không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Hà Văn T được ly hôn bà Phan Thị Thu V.

- Về con chung: Hà Kiều O, sinh ngày 22/7/2002 đã thành niên, không xem xét. Giao con tên Hà Minh Nh sinh ngày 08/01/2007 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu nên không xét.

-Về tài sản chung, về nợ chung: Ông T và bà V không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Ông Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013200 ngày 23/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Ông T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã M, Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh